



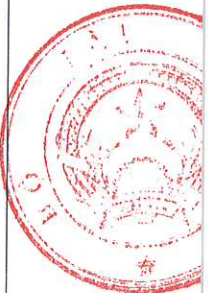
**BẢNG PHÍ BẢO HIỂM
BẢO HIỂM BỔ TRỢ – BẢO HIỂM SỨC KHỎE CÁ NHÂN (PHIÊN BẢN 3)**

(Được phê chuẩn theo Công văn số 13136/BTC-QĐM ngày 12/12/2022 của Bộ Tài chính)

(Đơn vị: đồng)

Quyền lợi nội trú

Nhóm tuổi	Tiết Kiệm – Tỷ lệ đồng chi trả 20%	Tiết Kiệm	Tiêu Chuẩn	Cao Cấp	V.I.P	Kim Cương
0 - 5	1.043.000	1.289.000	3.473.000	4.791.000	6.742.000	14.983.000
6 - 10	835.000	1.033.000	2.885.000	3.974.000	5.573.000	12.385.000
11 - 15	875.000	1.082.000	2.885.000	3.989.000	5.624.000	12.498.000
16 - 20	883.000	1.092.000	2.886.000	3.984.000	5.603.000	12.452.000
21 - 25	1.050.000	1.296.000	3.684.000	5.022.000	7.016.000	15.592.000
26 - 30	1.083.000	1.334.000	3.979.000	5.361.000	7.554.000	16.787.000
31 - 35	1.206.000	1.490.000	4.199.000	5.691.000	7.988.000	17.752.000
36 - 40	1.259.000	1.555.000	4.464.000	6.057.000	8.507.000	18.905.000
41 - 45	1.317.000	1.626.000	4.714.000	6.398.000	8.969.000	19.932.000
46 - 50	1.632.000	2.013.000	5.344.000	7.229.000	10.128.000	22.507.000
51 - 55	1.967.000	2.421.000	6.034.000	8.161.000	11.405.000	25.345.000
56 - 60	3.164.000	3.896.000	9.173.000	12.292.000	17.241.000	38.314.000
61 - 65	3.735.000	4.600.000	10.506.000	13.854.000	19.676.000	43.725.000
66 - 70	5.185.000	6.376.000	14.072.000	18.414.000	26.717.000	59.372.000
71 - 75	6.437.000	7.921.000	15.756.000	20.670.000	30.008.000	66.685.000
76 - 80	7.476.000	9.211.000	17.246.000	22.688.000	32.973.000	73.274.000
81 - 85	8.425.000	10.397.000	18.293.000	24.134.000	35.120.000	78.045.000



Quyền lợi ngoại trú

Nhóm tuổi	Tiêu Chuẩn	Cao Cấp	V.I.P	Kim Cương
0 - 5	2.733.000	4.312.000	5.490.000	12.200.000
6 - 10	2.038.000	3.469.000	4.902.000	10.894.000
11 - 15	2.204.000	3.863.000	5.333.000	11.852.000
16 - 20	2.350.000	4.361.000	6.309.000	14.020.000
21 - 25	1.802.000	3.383.000	4.937.000	10.972.000
26 - 30	1.974.000	3.756.000	5.445.000	12.100.000
31 - 35	2.116.000	4.131.000	6.113.000	13.585.000
36 - 40	2.584.000	5.120.000	7.666.000	17.036.000
41 - 45	2.697.000	5.418.000	8.256.000	18.347.000
46 - 50	2.799.000	5.624.000	8.569.000	19.043.000
51 - 55	3.036.000	6.188.000	9.239.000	20.532.000
56 - 60	3.852.000	8.029.000	11.792.000	26.205.000
61 - 65	3.959.000	8.310.000	11.995.000	26.656.000
66 - 70	5.201.000	11.879.000	18.521.000	41.158.000
71 - 75	6.552.000	14.963.000	23.330.000	51.845.000
76 - 80	8.254.000	18.850.000	29.390.000	65.312.000
81 - 85	10.399.000	23.747.000	37.025.000	82.278.000

Quyền lợi nha khoa

Nhóm tuổi	Tiêu Chuẩn	Cao Cấp	V.I.P	Kim Cương
0 - 35	2.279.000	2.613.000	3.286.000	7.303.000
36 - 85	3.141.000	3.681.000	4.713.000	10.474.000

Quyền lợi thai sản

Nhóm tuổi	Tiêu Chuẩn	Cao Cấp	V.I.P	Kim Cương
18 - 50	7.728.000	8.192.000	8.556.000	19.014.000

